



外國技術人力胸部 X 光肺結核檢查暨身體檢查表
Phiếu chụp X-quang ngực xét nghiệm lao và khám sức khỏe
cho nhân viên kỹ thuật nước ngoài

(國名、醫院名稱、地址、電話、傳真)
(Tên quốc gia, tên bệnh viện, địa chỉ, điện thoại, Fax)

中/越對照版

檢查日期
Ngày kiểm tra
Ngày/tháng/năm

類別 Thể loại

- ☐ 家庭看護技術工作 Khán hộ công gia đình (nhân viên kỹ thuật nước ngoài)
☐ 多元陪伴照顧服務技術工作 Nhân viên chăm sóc đồng hành đa dạng (nhân viên kỹ thuật nước ngoài)

基本資料 / Thông tin cơ bản

姓名 Họ tên :	性別 : ☐ 男 / Nam ☐ 女 / Nữ Giới tính	照片 Photo
護照號碼 Số hộ chiếu :	國籍 Quốc tịch :	
居留證號 Số thẻ cư trú:	出生年月日 : <u>YYYY</u> / <u>MM</u> / <u>DD</u> Ngày tháng năm sinh	
工作縣市別 Nơi làm việc :	手機 : (Điện thoại di động) 住家 : (Điện thoại nhà)	

病史 / Tiền sử bệnh án

曾罹患的疾病 / Từng mắc bệnh :

身體檢查 / Kiểm tra sức khỏe

身高 / Chiều cao : _____ cms	頭頸部 / Đầu và cổ : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
體重 / Cân nặng : _____ kgs	胸部 / Vùng ngực : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
血壓 / Huyết áp : ____ / ____ mmHg	心臟聽診 / Nghe tim : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
脈搏 / Nhịp tim : _____ beats/min	腹部 / Vùng bụng : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
體溫 / Nhiệt độ cơ thể : _____ °C	體肢運動 / Vận động cơ thể : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
視力 / Thị lực : 右 / Phải ____ 左 / Trái	精神狀態 / Trạng thái tinh thần : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Bất thường
其他 / Khác :	

胸部 X 光肺結核檢查 / Chụp X-quang ngực để chuẩn đoán lao phổi

X 光發現 / Phát hiện sau khi chụp X-quang:

判定 / Kết quả :

☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 疑似肺結核 / Nghi bị lao phổi ☐ 無法確認診斷 / Không thể xác nhận chuẩn đoán

☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu

Ghi chú : Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong ba tháng

Sau khi nhận được giấy chứng nhận khám sức khỏe do bệnh viện được chỉ định cấp theo "Quy định về khám sức khỏe cho người lao động nước ngoài", chủ sử dụng lao động phải giao giấy chứng nhận đó cho người lao động nước ngoài.